

KINH PHÍ

Hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024

(Kèm theo Tờ trình số 07 /TTr-HĐND ngày 01 / 12 /2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung hoạt động	Số tiền
1	Chi cho các kỳ họp HĐND tỉnh:	499.400.000
	(02 kỳ họp thường lệ và dự kiến 04 kỳ họp Chuyên đề)	44.000.000
	+ Kỳ họp chuyên đề: 50 đb x 200.000đồng/đại biểu/kỳ x 04 kỳ	40.000.000
	+ Khoản chi bồi dưỡng Công an phục vụ kỳ họp chuyên đề: 500.000đ/đơn vị x 4 kỳ	2.000.000
	+ Khoản chi bồi dưỡng Điện lực phục vụ kỳ họp chuyên đề: 500.000đ/đơn vị x 4 kỳ	2.000.000
	- Chi phí phục vụ trước, trong, sau kỳ họp:	186.000.000
	+ Chi văn phòng phẩm : 50 người x 20.000đ x 6 kỳ	6.000.000
	+ Chi phụ cấp làm thêm giờ: 30.000.000đ/kỳ họp x 6 kỳ	180.000.000
	- Chi giải khát giữa giờ:	86.400.000
	120 người x 40.000đ x 3 ngày x 6 kỳ	86.400.000
	- Khoản chi bồi dưỡng truyền hình trực tiếp tham gia phục vụ kỳ họp:	8.000.000
	+ 4.000.000đồng/đơn vị x 2 kỳ	8.000.000
	- Chi đơn vị y tế tham gia phục vụ kỳ họp	5.000.000
	+Khoản chi bồi dưỡng đơn vị y tế tham gia phục vụ kỳ họp: 2.000.000đồng/kỳ x 2 kỳ	4.000.000
	+ Chi phí hỗ trợ thuốc uống thông thường: 500.000đ/kỳ x 2 kỳ	1.000.000
	- Khoản chi bồi dưỡng Công an phục vụ kỳ họp thường lệ: 1.000.000đ/đơn vị x 2 kỳ	2.000.000
	- Khoản chi bồi dưỡng Điện lực phục vụ kỳ họp thường lệ: 1.000.000đ/đơn vị x 2 kỳ	2.000.000
	- Khoản chi bồi dưỡng Báo Kon Tum tham gia phục vụ kỳ họp: 500.000đ/đơn vị x 2 kỳ	1.000.000
	- Khoản chi bồi dưỡng Công thông tin điện tử phục vụ kỳ họp: 500.000đ/đv x 2 kỳ	1.000.000
	- Khoản chi bồi dưỡng Báo Trung ương; VOV; THVN đóng trên địa bàn mời	3.000.000
	,- Chi bồi dưỡng đại biểu mời dự kỳ họp: 30 x 100.000đ/đại biểu/kỳ x 2 kỳ	6.000.000
	- Chi trang trí hội trường : 5.000.000đ x 6 kỳ	30.000.000
	- Chi in ấn phát hành Nghị quyết:	25.000.000
	- Chi trả tiền điện phục vụ các kỳ họp:	100.000.000
2	Chi hội nghị giao ban Thường trực HĐND tỉnh với các huyện, thành phố định kỳ: (1	304.720.000
	- Chi ăn cho đại biểu HĐND và đại biểu mời;	
	136 người x 150.000đ x 2 ngày x 2 kỳ	81.600.000
	- Chi phòng ngủ cho các đại biểu ngoài biên chế và đại biểu mời huyện:	
	136 đại biểu x 02 ngày x 300.000đ x 2 kỳ	163.200.000
	- in ấn tài liệu và văn phòng phẩm :	
	136 tập x 30.000đ x 2 kỳ	8.160.000
	+ Chi xăng xe: 50 lít/huyện x 25.000đ x 2 đợt x 4 xe x 2 huyện	20.000.000
	- Chi thuê trang trí hội trường : 5.000.000đ x 2 kỳ	10.000.000
	- Chi giải khát giữa giờ :	
	136 người x 40.000đ x 2 ngày x 2 kỳ	21.760.000
3	Chi hoạt động Thường trực và các Ban HĐND:	2.666.690.000
3.1	Chi khảo sát cơ sở 09 huyện và 1 thành phố của Thường trực:	150.900.000
	+ Phụ cấp công tác phí : 10 người x 5 ngày x 200.000đ x 3 đợt	30.000.000
	+ Chi phòng ngủ : 10 người x 4 ngày x 300.000đ x 3 đợt	36.000.000
	+ Chi xăng xe : 50 lít/huyện x 25.000đ x 3 đợt x 2 xe x 4 huyện	30.000.000

STT	Nội dung hoạt động	Số tiền
	+ Chi bồi dưỡng các thành viên tham gia đoàn khảo sát:	
	Trưởng đoàn : 01 người x 300.000đồng x 5 ngày x 3 đợt	4.500.000
	Thành viên chính thức:	
	9 người x 5 ngày x 200.000đ x 3 đợt	27.000.000
	Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ đoàn:	
	5 người x 5 ngày x 160.000đ x 3 đợt	12.000.000
	+ Chi xây dựng quyết định, kế hoạch khảo sát:	
	2.000.000đồng/báo cáo x 3 đợt	6.000.000
	+ Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát:	
	1.200.000đồng/báo cáo x 3 đợt	3.600.000
	+ Chi phí in ấn tài liệu phục vụ cho khảo sát:	
	10 người x 60.000đồng/tập x 3 đợt	1.800.000
3.2	Chi hoạt động khảo sát của các ban HĐND:	671.160.000
3.2.1	Ban Pháp chế	217.120.000
3.2.2	Ban Kinh tế - Ngân sách	208.320.000
3.2.3	Ban Văn hóa - Xã hội	106.840.000
3.2.4	Ban Dân tộc	138.880.000
3.3	Chi phí hoạt động giám sát tích hợp của HĐND và Thường trực HĐND	271.200.000
	+ Phụ cấp công tác phí : 20 người x 5 ngày x 200.000đ x 3 đợt	60.000.000
	+ Chi phòng ngủ : 20 người x 4 ngày x 300.000đ x 3 đợt	72.000.000
	+ Chi xăng xe : 50 lít/huyện x 25.000đ x 3 đợt x 4 xe x 4 huyện	60.000.000
	+ Chi bồi dưỡng các thành viên tham gia đoàn giám sát :	
	Trưởng đoàn: 01 người x 300.000đồng x 5 ngày x 3 đợt	4.500.000
	Thành viên chính thức:	
	12 người x 5 ngày x 200.000đ x 3 đợt	36.000.000
	Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ đoàn:	
	08 người x 5 ngày x 160.000đ x 3 đợt	19.200.000
	+ Chi xây dựng quyết định, kế hoạch giám sát:	
	2.000.000đồng/báo cáo x 3 đợt	6.000.000
	+ Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát:	
	2.500.000đồng/báo cáo x 3 đợt	7.500.000
	+ Chi phí in ấn tài liệu phục vụ cho giám sát:	
	20 người x 100.000đồng/tập x 3 đợt	6.000.000
3.4	Chi phí hoạt động giám sát của các Ban HĐND tỉnh	641.680.000
3.4.1	Ban Pháp chế	153.600.000
3.4.2	Ban Kinh tế - Ngân sách	153.600.000
3.4.3	Ban Văn hóa - Xã hội	152.600.000
3.4.4	Ban Dân tộc	181.880.000
3.5	Chi cho công tác thẩm tra các Ban HĐND	174.950.000
3.5.1	Ban Pháp chế	43.500.000
3.5.2	Ban Kinh tế - Ngân sách	145.000.000
3.5.3	Ban Văn hóa - Xã hội	26.300.000
3.5.4	Ban Dân tộc	3.650.000
3.6	Chi tham dự hội thảo, hội nghị và trao đổi kinh nghiệm ngoài tỉnh:	656.900.000
3.6.1	HĐND và Thường trực HĐND.	227.000.000
	+ Phụ cấp công tác: 2 đoàn x 10 người x 12 ngày x 200.000đ	48.000.000
	+ Chi phòng ngủ : 2 đoàn x 10 người x 11 ngày x 450.000đ	99.000.000
	+ Chi xăng xe : 500 lít x 25.000đ x 2 đoàn x 2 xe	50.000.000
	+ Chi phí quà tặng: 2 đoàn x 2.000.000đ x 5 tỉnh	20.000.000
	+ Chi phí khác : 2 đoàn x 5.000.000đ	10.000.000
3.6.3	Các Ban HĐND tỉnh	429.900.000

STT	Nội dung hoạt động	Số tiền
3.6.2.1	Ban Pháp chế	102.500.000
3.6.2.2	Ban Kinh tế - Ngân sách	102.500.000
3.6.2.3	Ban Văn hóa - Xã hội	156.700.000
3.6.2.4	Ban Dân tộc	68.200.000
3.7	Tham gia đoàn công tác của trung ương, các cơ quan Tỉnh ủy, HĐND nơi đại biểu chuyên	99.900.000
3.7.1	HĐND và Thường trực HĐND	19.900.000
	+ Phụ cấp công tác: 2 người x 10 ngày x 100.000đ	2.000.000
	+ Chi phòng ngủ: 2 người x 9 ngày x 300.000đ	5.400.000
	+ Chi xăng xe: 50 lít/huyện x 25.000đ x 1 xe x 10 lượt	12.500.000
3.7.2	Các Ban HĐND tỉnh	80.000.000
3.7.2.1	Ban Pháp chế	9.000.000
3.7.2.2	Ban Kinh tế - Ngân sách	9.000.000
3.7.2.3	Ban Văn hóa - Xã hội	31.000.000
3.7.2.4	Ban Dân tộc	31.000.000
4	Chi phí tiếp xúc cử tri, thảo luận tổ đại biểu:	742.000.000
	- Chi khoán cho đại biểu và tổ đại biểu HĐND tỉnh tại các huyện, thành phố	300.000.000
	- Chi bồi dưỡng đại biểu tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp: 50 đại biểu x 4.000.000đồng/ năm	200.000.000
	- Chi hỗ trợ cho xã nơi tổ chức tiếp xúc tri : 500.000đ/lần x 4 lần x 102 xã	204.000.000
	- Chi bồi dưỡng công chức, nhân viên: 20 người x 2 lần x 2 kỳ x 50.000đ x 6 buổi	24.000.000
	- Chi viết báo cáo tiếp xúc cử tri: 300.000đ/ báo cáo x 2 lần x 2 kỳ x 10 tổ	12.000.000
	500.000đ/ báo cáo x 2 lần x 2 kỳ	2.000.000
5	Khoản chi kinh phí hoạt động giám sát cho tổ đại biểu HĐND tỉnh.	110.000.000
	- Tổ đại biểu HĐND tỉnh 10 tổ	110.000.000
	+ Mỗi tổ đại biểu tại các huyện 10.000.000đ x 9 tổ	90.000.000
	+ Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại thành phố 20.000.000đ x 1 tổ	20.000.000
6	Chi dự 02 kỳ họp ở Quốc hội :	64.000.000
	- Chi công tác phí : 02 người x 200.000đ/người x 10 ngày x 2 kỳ	8.000.000
	- Chi thuê phòng ngủ : 02 người x 1.000.000đ x 9 ngày x 2 kỳ	36.000.000
	- Chi mua vé máy bay, chi phí khác : 02 vé x 5.000.000đ/vé x 2 kỳ	20.000.000
7	Hoạt động trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh Kon Tum :	92.500.000
	- Chi phí nhuận bút, biên tập và chi phí khác : 6 số x 15.000.000đ	90.000.000
	- Chi Phí Gói Hosting, Domain (Duy trì hoạt động trang website Văn phòng Đoàn ĐBQH và	2.500.000
8	Các tài liệu của đại biểu được cấp theo mức khoán bao gồm:	300.000.000
	- Các loại tạp chí, tài liệu khác và Internet cho đại biểu HĐND tỉnh :	
	50 đại biểu x 12 tháng x 500.000đ/tháng	300.000.000
9	Chi chế độ đối với đại biểu HĐND tỉnh:	781.876.600
	- Chi phụ cấp hoạt động phí cho các đại biểu :	
	50 đại biểu x 0,5 x 1.800.000đ x 12 tháng	540.000.000
	- Chi cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách:	
	Chi tiền công: (theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016)	
	+ Dự các kỳ họp HĐND tỉnh:	
	06 đại biểu x 0,1 x 1.800.000đ/ngày x 6 kỳ x 3 ngày	19.472.000

STT	Nội dung hoạt động	Số tiền
	+ Chi tiếp xúc cử tri: 06 người x 0,1 x 1.800.000đ/ngày x 4 đợt x 05 ngày	21.600.000
	+ Mua bảo hiểm y tế cho đại biểu không hưởng lương 67.050đ/tháng x 12 tháng	804.600
	- Chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND tỉnh:	
	+ Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu kỳ họp: 50 đb x 2.000.000đ/db/năm	100.000.000
	+ Chi hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ: 50 đb x 2.000.000đ/db/năm	100.000.000
10.1	Chi tiếp và làm việc với Quốc hội, UBND và các cơ quan của Quốc hội:	130.000.000
	+ Chi ăn : 25 người x 5 uỷ ban x 3 ngày x 300.000đ	112.500.000
	+ Chi phòng ngủ : 10 người x 4 uỷ ban x 2 ngày x 350.000đ ??? Đưa vào tiền ăn	
	+ Chi xăng dầu phục vụ đoàn đi thăm cơ sở : 5 lần x 60 lít x 25.000đ x 01 xe	7.500.000
10.2	Chi đón tiếp các tỉnh bạn đến làm việc :	92.500.000
	+ Chi ăn : 5 đoàn x 25 người x 2 ngày x 300.000đ	75.000.000
	+ Chi phòng ngủ : 4 đoàn x 10 người x 1 ngày x 350.000đ ??? Đưa vào tiền ăn	
	+ Chi xăng dầu phục vụ đoàn đi thăm cơ sở : 5 lần x 60 lít x 25.000đ x 01 xe	7.500.000
	+ Chi phí khác : 5 đoàn x 2.000.000đ	10.000.000
10.3	Chi tế tân và khánh tiết của các ban	260.560.000
10.3.1	Ban Pháp chế	66.500.000
10.3.2	Ban Kinh tế - Ngân sách	66.500.000
10.3.3	Ban Văn hóa - Xã hội	79.280.000
10.3.4	Ban Dân tộc	48.280.000
11	Chi rà soát văn bản QPPL:	100.000.000
	- Chi rà soát văn bản: ước thực hiện	100.000.000
12	Chi thăm hỏi, động viên một số thôn, làng, chi khác :	155.753.400
	- Chi thăm hỏi, động viên một số thôn làng, gia đình chính sách, đại biểu HĐND tỉnh,...	150.000.000
	- Chi phí khác	5.753.400
	Tổng cộng:	6.300.000.000

Bảng chữ: (Sáu tỷ ba trăm triệu đồng chẵn)

Ghi chú: Dự toán kinh phí 2024. Trong đó tích hợp Giám sát của HĐND và Thường trực HĐND; Các Ban không tích hợp

